

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Số 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hoà An, Quận Cẩm Lệ, TP

Đà Nẵng

(Ban hành theo Thông tư số

200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ 2 NĂM 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.009.792.945	4.355.795.544
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.477.493.227)	(1.233.377.663)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.073.300.974)	(2.254.177.627)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(32.667.901)	(3.340.805)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.803.472.964	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.706.010.026)	(1.102.669.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.476.206.219)	(237.770.359)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(902.937.010.000)	(247.650.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		165.443.608	150.510.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			66.946.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(902.766.566.392)	(30.193.002)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		902.724.910.000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		902.724.910.000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.517.862.611)	(267.963.361)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.158.680.390	555.156.565
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VIII	640.817.779	287.193.204

Lập, Ngày 30 tháng 07 năm 2021

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Anh**TỔNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Duy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát (trước đây là Công ty Cổ phần HTInvest) (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3203000201 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 6 năm 2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty đã thay đổi địa chỉ và chuyển đổi tên thành Công ty Cổ phần HTInvest theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400459486, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 02 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã thay đổi địa chỉ và chuyển đổi tên thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa Hòa Phát theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400459486, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Công ty đã thay đổi vốn điều lệ với số tiền là 918.049.800.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400459486, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã cổ phiếu là HTP kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2006 theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN do Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) ngày 17 tháng 11 năm 2006.

2. Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và ấn phẩm.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm'
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm; Bán buôn vật tư thiết bị ngành in; Bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục; Nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh nhà và dịch vụ chuyển quyền sử dụng đất. Dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2021 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.